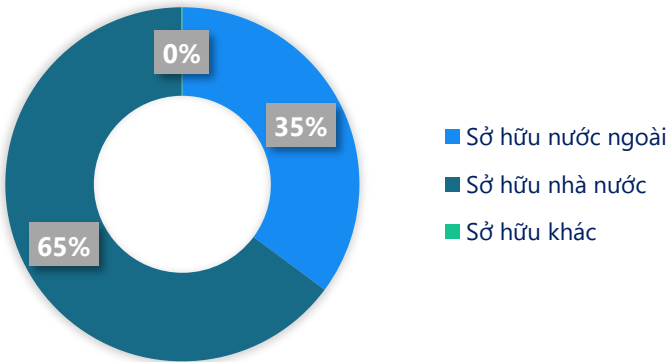


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		40,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		27,281
SL cổ phiếu LH		49,993,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,085
% sở hữu nước ngoài		35.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,000
P/E		12.5
EPS		3,191

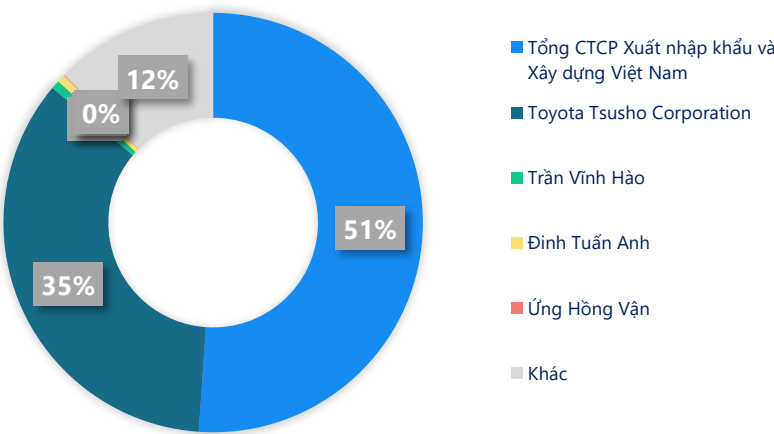
	YTD	1T	3T	6T
ND2	5.5%	0.0%	5.3%	13.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu sở hữu



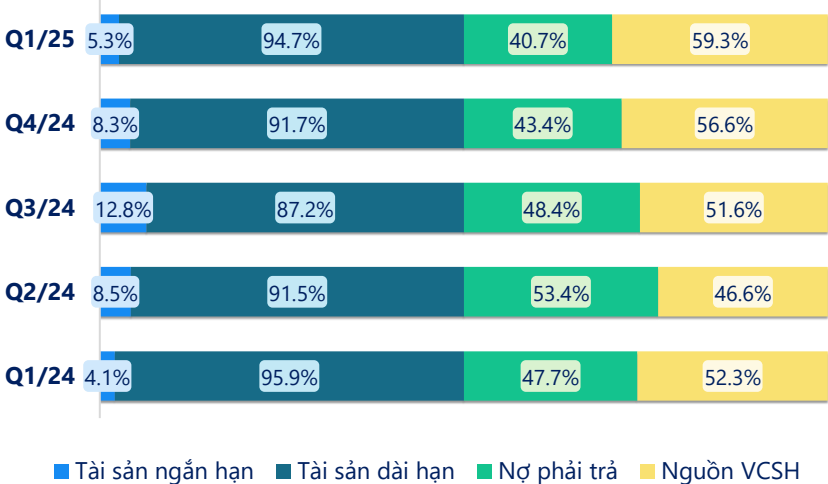
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



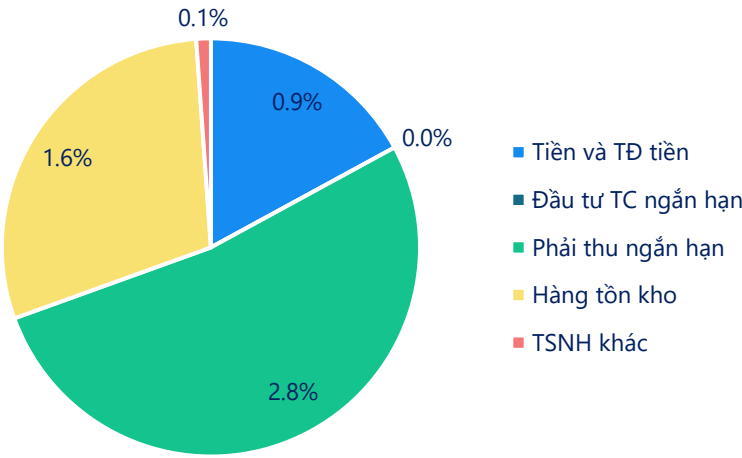
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

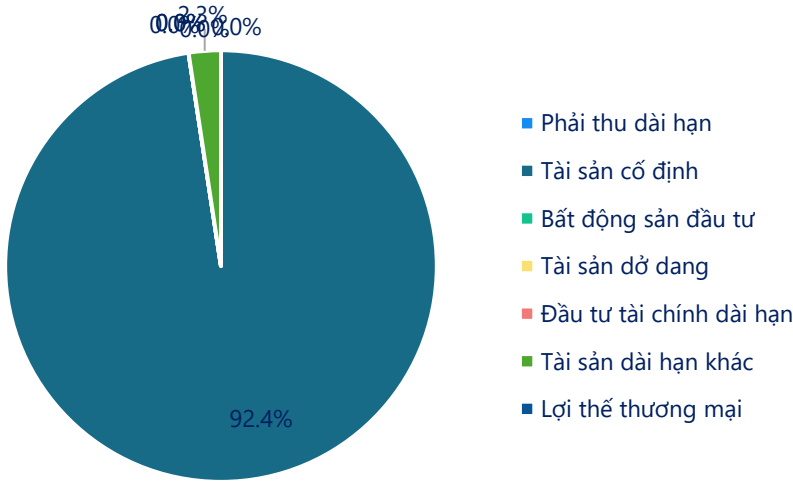
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q1/25

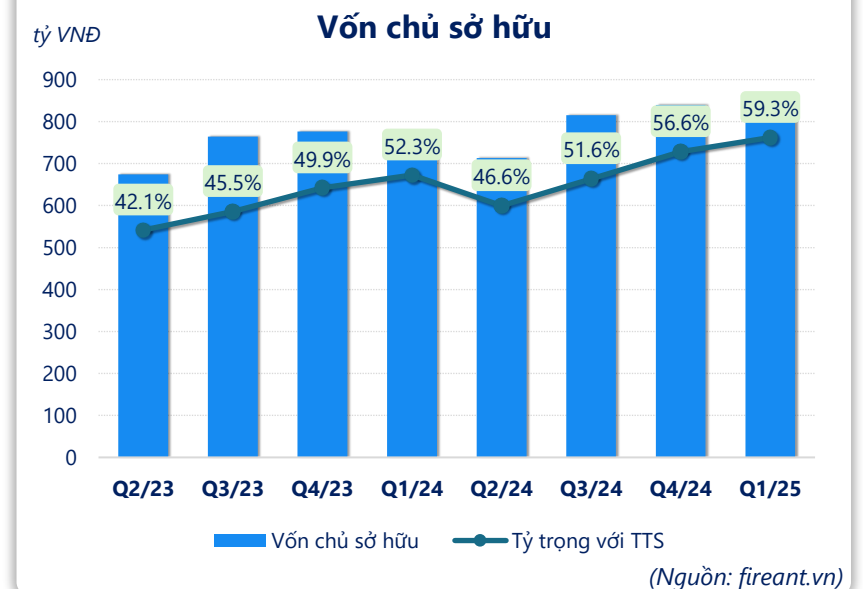
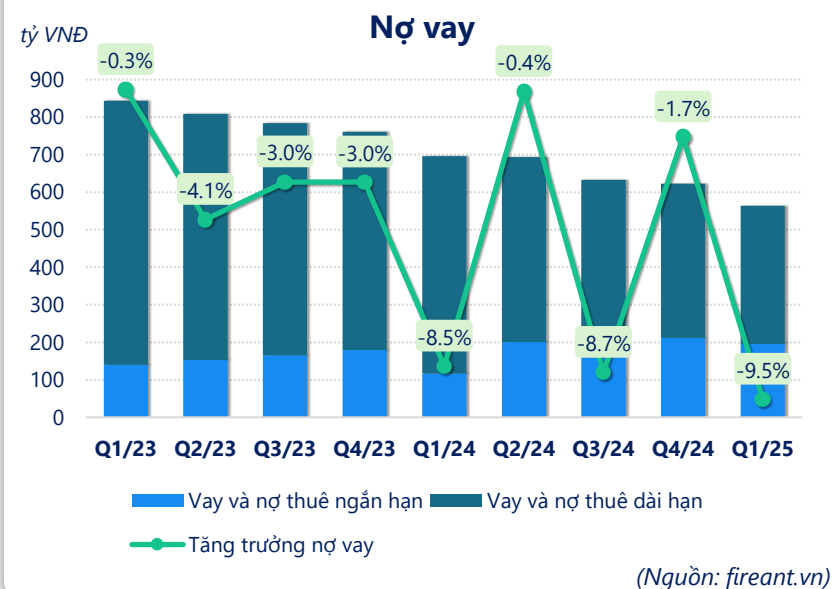
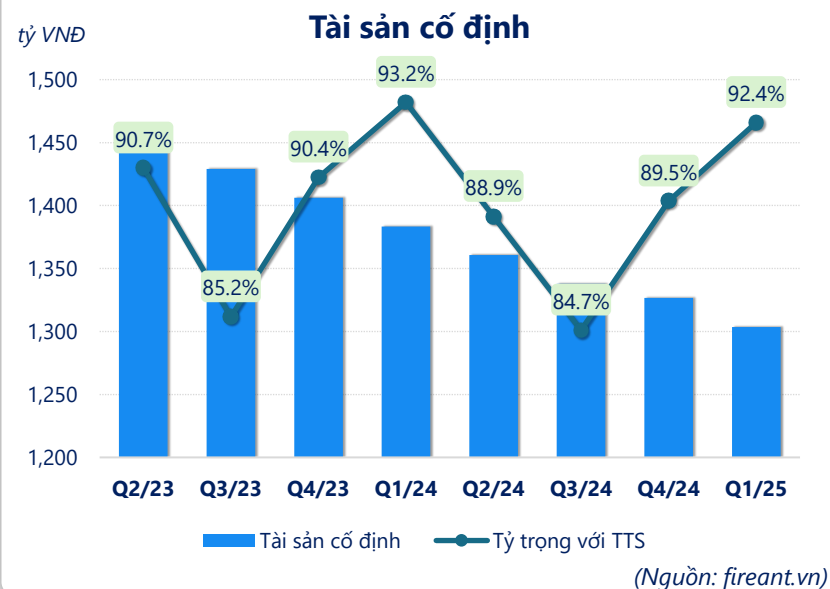
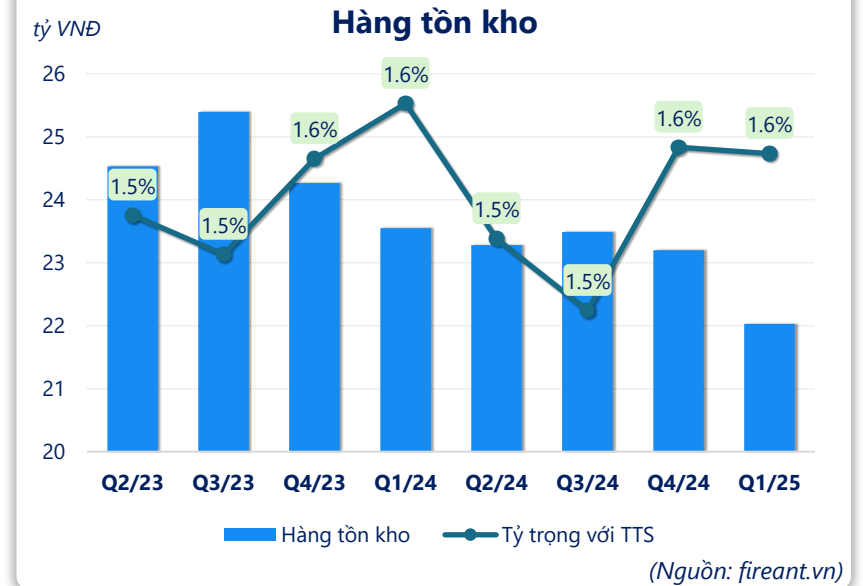
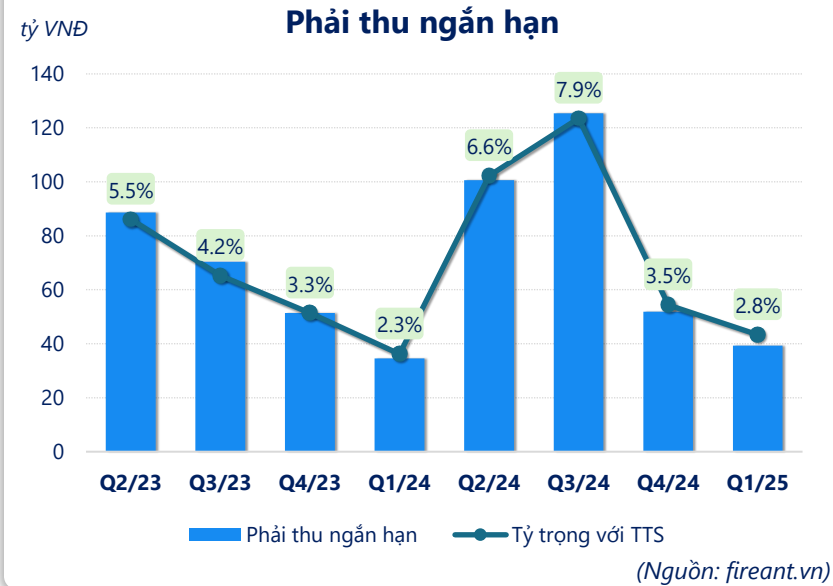
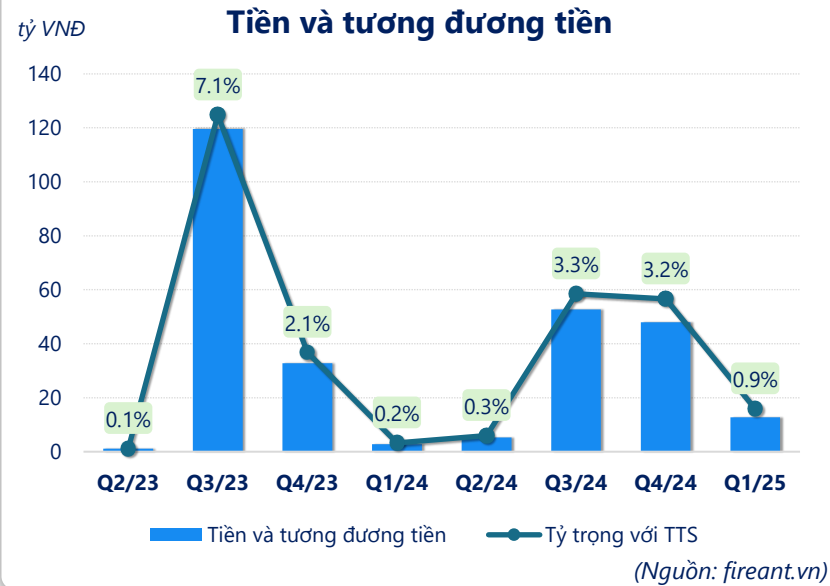
(Nguồn: fireant.vn)

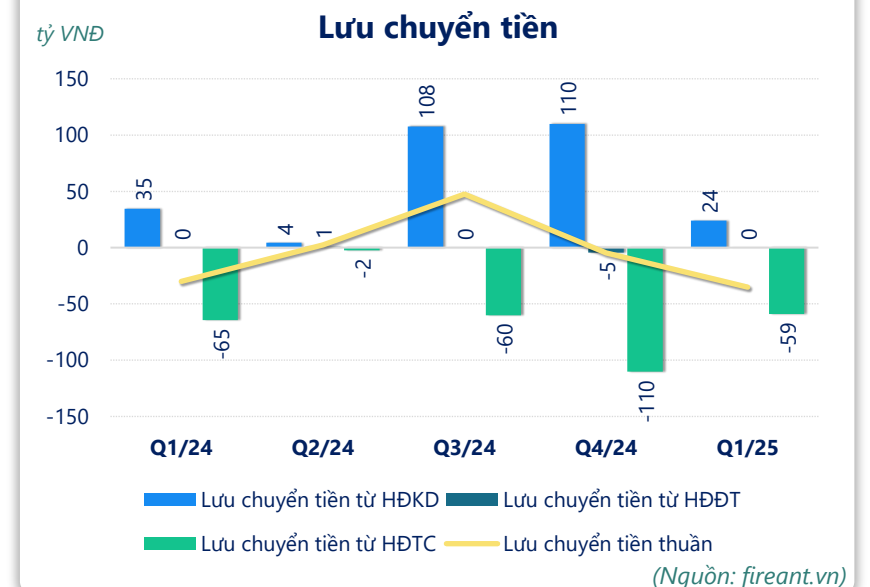
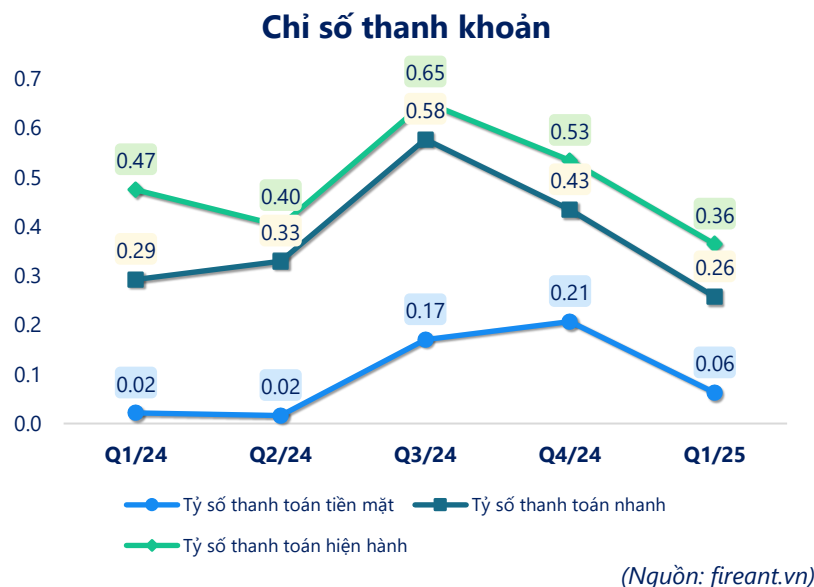
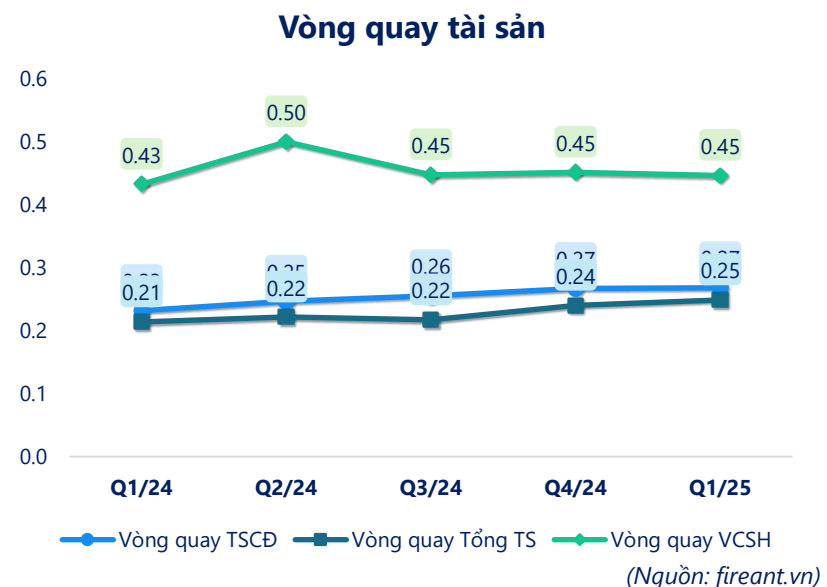
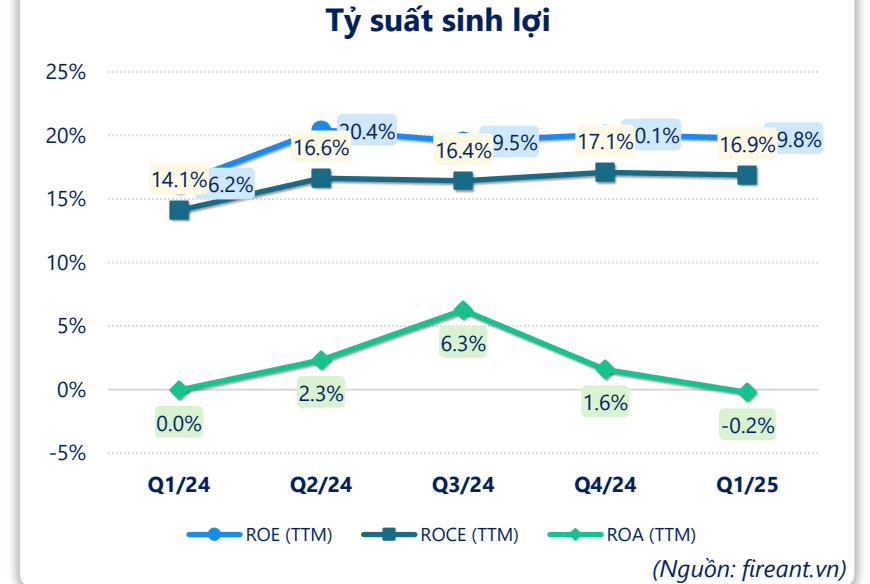
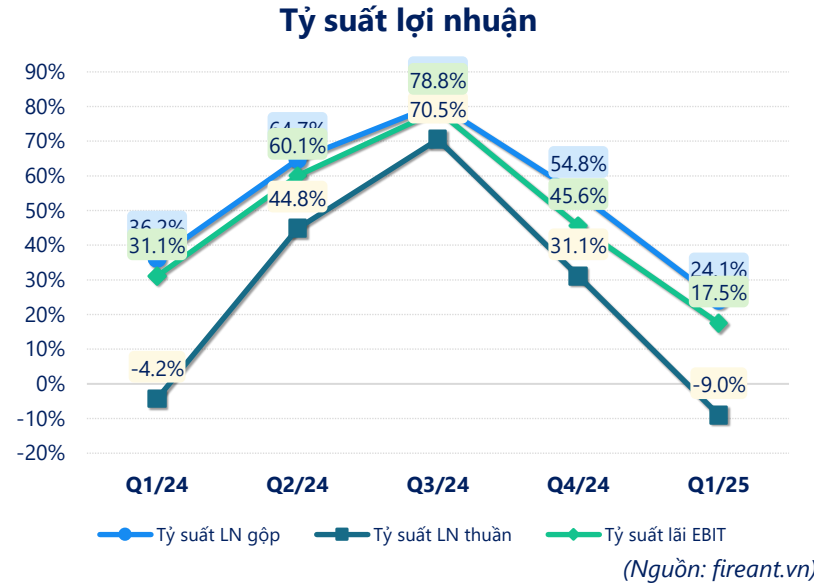
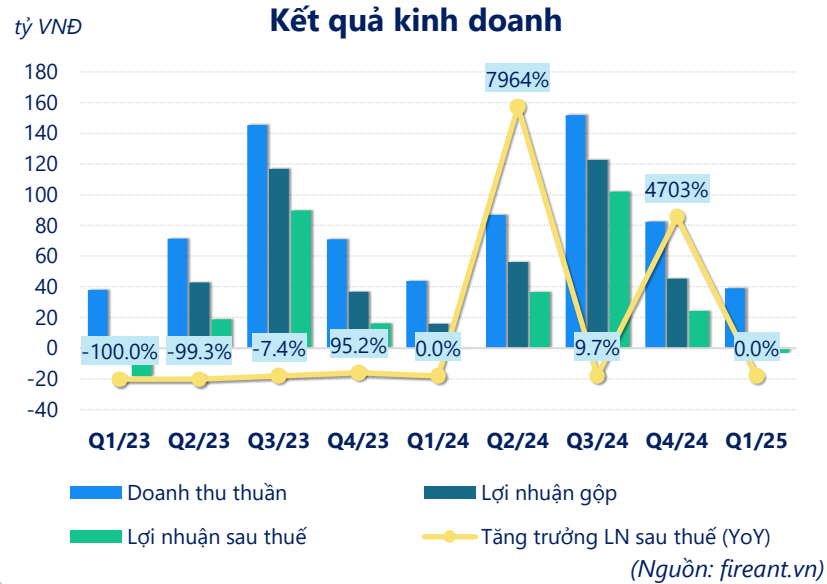
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,411	1,482	-4.8%
Tài sản ngắn hạn	75.0	124	-39.4%
Tiền và tương đương tiền	12.8	47.9	-73.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	39.3	51.9	-24.2%
Hàng tồn kho	22.0	23.2	-5.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.84	0.69	21.8%
Tài sản dài hạn	1,336	1,359	-1.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,303	1,327	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	32.1	32.0	0.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	575	643	-10.7%
Nợ ngắn hạn	206	232	-11.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	195	211	-7.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.37	3.74	-36.8%
Nợ dài hạn	369	411	-10.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	369	411	-10.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	836	839	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	836	839	-0.4%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	43.9	86.7	152	82.5	39.1
Giá vốn hàng bán	28.0	30.7	29.3	37.2	29.7
Lợi nhuận gộp	15.9	56.1	123	45.2	9.43
Doanh thu HĐTC	0.01	0.03	0.11	0.16	0.02
Chi phí TC	14.1	13.2	12.5	12.0	9.95
Chi phí lãi vay	14.1	13.2	12.5	12.0	9.95
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.69	4.01	3.12	7.79	3.01
LN thuần từ HĐKD	-1.86	38.9	107	25.6	-3.52
Lợi nhuận khác	1.43	-0.01	0.07	-0.01	0.38
LN trước thuế	-0.43	38.9	107	25.6	-3.13
Lợi nhuận sau thuế	-0.43	36.5	102	24.2	-3.13
LNST của CĐ cty mẹ	-0.43	36.5	102	24.2	-3.13

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	34.5	4.33	108	110	23.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.62	0.11	-4.54	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-64.5	-2.47	-60.2	-110	-59.0
Tiền đầu kỳ	32.7	2.75	5.23	52.7	47.9
Lưu chuyển tiền thuần	-30.0	2.47	47.5	-4.82	-35.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.75	5.23	52.7	47.9	12.8

(Nguồn: fireant.vn)